TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:134/2017/HSST
Ngày 29/09/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông **Ngô Minh Cường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Đào
2. Bà Ngô Thị Yêm

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 29/09/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 142/TLST – HS ngày 15/09/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn C, sinh năm 1993; HKTT: Thôn 1, xã M, huyện Đ, tỉnh P; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 08/12; Con ông: Nguyễn Văn P *(chết);* Con bà: Bành Thị H, sinh năm1976; Vợ: Tạ Thị Bích D, sinh năm 1993; Có 01 con sinh 2013; Tiền án, tiền sự: Năm 2009 Công an xã M, huyện Đ xử phạt về hành vi gây rối trật tự công cộng *(đã hết thời hiệu)*; Năm 2010 Công an xã M, huyện Đ xử phạt về hành vi gây rối trật tự công cộng *(đã hết thời hiệu)*; Bắt tạm giam từ ngày 08/07/2017. Có mặt.

2. Họ và tên: Trần Anh T, sinh năm 1994; HKTT: Thôn 1, xã M, huyện Đ, tỉnh P; Chỗ ở: Số 19 ngõ 37 B, phường H, quận H, thành phố H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 9/12; Con ông: Trần Văn L *(chết)*; Con bà: Nguyễn Thị C, sinh năm 1974; Tiền án, tiền sự: Không; Bắt tạm giam từ ngày 08/7/2017, ngày 11/08/2017 hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Người bị hại:

1. Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1995; HKTT: Xóm 3, xã M, huyện Y, tỉnh N. Vắng mặt.

2. Anh Dương Anh T, sinh năm 1990; HKTT: Khu 5, xã Y, huyện T, tỉnh P; chỗ ở: Khu đô thị V, quận H, thành phố H. Vắng mặt.

3. Anh Lưu Văn B, sinh năm 1992; HKTT: thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh V. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.Anh Nguyễn Công H, sinh năm 1979; trú tại: Thôn 1, xã M, huyện Đ, tỉnh P. Có mặt.

2. Anh Đinh Xuân B, sinh năm 1987; trú tại: Thôn 1, xã M, huyện Đ, tỉnh P. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Văn C và bị cáo Trần Anh T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố về hành vi phạm tội như sau: Nguyễn Văn C không có nghề nghiệp ổn định, để có tiền tiêu sài C lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người quen bằng thủ đoạn mượn xe máy rồi đem bán lấy tiền. Trong một thời gian ngắn C liên thực hiện 03 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên địa bàn huyện Đ; Trần Anh T đã tiêu thụ tài sản của 02 vụ do C gây ra, cụ thể như sau:

* Vụ thứ nhất: Nguyễn Văn C có quan hệ tình cảm với chị Đặng Thị H (sinh năm 1994; HKTT: thôn K, xã T, huyện H, tỉnh T) thuê trọ tại thôn S, xã V, huyện Đ. Trong thời gian đến chơi với chị H, C quen anh Nguyễn Trọng H ở cùng khu trọ. Biết anh H có chiếc xe máy Yamaha Sirius, sơn màu đen - trắng, BKS: 37P1 – 420.60 nên C nảy sinh ý định chiếm đoạt. Khoảng 07h00' ngày 05/4/2017 C rủ anh H đi ăn sáng, anh H chở C đến khu chung cư thôn B, xã K, huyện Đ. Tại quán ăn C nói dối mượn xe anh H đi lấy ít đồ sau sẽ quay lại trả xe, anh H đồng ý. Sau khi ăn sáng xong C chở anh H đến quán "Game Vip" (thuộc thôn H, xã K, huyện Đ) và bảo anh H đợi tại quán rồi điều khiển xe đi. C điện thoại liên lạc với Trần Anh T nói vừa trộm cắp được chiếc xe máy ở Nghệ An muốn bán. T bảo C đi đến khu trọ của T tại số 19, ngõ 37, phường B, quận H để T xem xe. C điều khiển xe máy BKS 37P1 – 420.60 đến gặp T nói bán với giá 3.000.000 đồng. T đồng ý mua, C bớt cho T 100.000 đồng.

* Vụ thứ hai: Trong thời gian cùng làm công trình xây dựng tại Tòa nhà H, quận C, C quen anh Dương Anh T, biết anh T có chiếc xe máy Yamaha Sirius, sơn màu đỏ - đen, BKS: 19C1 – 234.28 nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Khoảng 14h00' ngày 22/5/2017 C điện thoại rủ anh T sang huyện Đ chơi. Khoảng 16h30' cùng ngày, anh T chở anh Quách Văn Tr (sinh năm 1993; HKTT: thôn Q, xã V, huyện Lạ, tỉnh H) và anh Th (khoảng 20 tuổi, người tỉnh P, không xác định được cụ thể lai lịch) đều là bạn cùng phòng trọ của anh T đến gặp C trước cổng dãy trọ của chị H. C mời anh T, Tr, Th đi uống bia tại quán "Hoàng Anh" ở thôn B, xã K, huyện Đ. Tại quán C nói dối mượn xe máy anh T đi đón bạn, anh T đồng ý, C đi xe thẳng về quê. Khoảng 17h00' ngày 23/5/2017 H gặp anh Nguyễn Công H tại ngã ba T, xã T, huyện Đ, tỉnh P, C nói muốn bán xe máy, anh H hỏi nguồn gốc xe C cho biết đăng ký xe đã cầm cố, do cần tiền gấp nên bán với giá 4.000.000 đồng và hứa lần sau về quê sẽ đem đăng ký xe về giao cho anh H. Anh H đưa cho C số tiền 4.000.000đồng, C cầm tiền sử dụng tiêu sài cá nhân hết.

* Vụ thứ ba: Trong thời gian đến chơi với chị H, Nguyễn Văn C quen anh Lưu Văn B ở cùng khu trọ với chị H. C biết anh B có chiếc xe máy Honda Lead sơn màu đỏ, BKS: 88E1 – 196.50 nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Khoảng 21h00' ngày 08/6/2017 C mời anh B đi uống nước, anh B chở C đến quán cà phê "Anh Quân" thuộc thôn S, xã V, huyện Đ. Tại quán C nói dối mượn xe để đi đón bạn, anh B đồng ý. C đi xe sang nơi T thuê trọ, trên đường đi C gọi điện cho T nói vừa lấy trộm được chiếc xe máy Lead muốn bán, T bảo C mang xe đến khu trọ của T để xem xe. Khoảng 23h00' cùng ngày C đi xe

máy đến gặp T, khi xem xe C nói cho T biết xe không có đăng ký, muốn bán giá 4.500.000 đồng. T hiểu là xe máy do C phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý mua. C và T thỏa thuận T đưa cho C 1.500.000 đồng và kèm theo xe máy nhãn hiệu Yamaha – Sirius, sơn màu đen - trắng, đang BKS 29M1 - 236.22 mà C bán cho T trước đó. Ngày 13/6/2017, T thay biển kiểm soát 29H1 – 636.89 mục đích tham gia giao thông tránh bị Cơ quan Công an phát hiện. Ngày 18/6/2017 trên đường về quê T đã vứt hai biển kiểm soát 88E1 – 196.50 và 29M1 - 236.22 nay không xác định được vị trí nên Cơ quan điều tra không thể truy tìm.

Đêm 08/6/2017, C sử dụng Yamah Sirius, BKS: 37P1 - 420.60 về quê gặp anh Đinh Xuân B ở cùng thôn. C nói với anh B do thiếu tiền nên đã cầm cố giấy đăng ký xe, anh B đồng ý mua với giá là 4.400.000 đồng. C hứa lần sau về quê sẽ giao đăng ký xe cho anh B còn anh B phải trả C thêm tiền.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Đ kết luận:

- Chiếc xe máy Yamaha Sirius, BKS: 19C1 - 234.28 của anh Dương Anh T bị chiếm đoạt trị giá 21.600.000 đồng.

- Chiếc xe máy xe máy Honda Lead, sơn màu đỏ, BKS: 88E1 - 196.50 của anh Lưu Văn B bị chiếm đoạt trị giá 28.000.000 đồng.

- Chiếc xe máy Yamaha Sirius, BKS: 37P1 - 42060 của anh Nguyễn Trọng H bị chiếm đoạt trị giá 15.300.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản Nguyễn Văn C chiếm đoạt là 64.900.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản Trần Anh T tiêu thụ là 43.300.000 đồng.

Đối với anh Đinh Xuân B và anh Nguyễn Công H mua xe của C nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội C sử dụng điện thoại Nokia 1280, sim có số thuê bao 0979.231.561 để liên lạc với Trần Anh T và anh T, C khai đầu tháng 7/2017 đánh rơi không rõ ở đâu nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 6S, lắp sim có số thuê bao 0963.123.598 T khai do thiếu tiền tiêu sài, T bán chiếc điện thoại cùng sim bên trong cho một người đàn ông không quen biết trên đường B, phường H, quận H, tp H với giá 7.000.000 đồng. Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để truy tìm.

Đối với chiếc xe máy Honda Lead, ngày 15/8/2017 Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe trên cho anh B. Sau khi nhận lại tài sản, anh B yêu cầu bị cáo T bồi thường 1.000.000 đồng tiền làm lại biển kiểm soát chiếc xe, bị cáo T đã tự nguyện bồi thường cho anh B số tiền trên.

Đối với chiếc xe máy Yamaha Sirius, BKS: 37P1 – 420.60, ngày 15/8/2017, Cơ quan điều tra trao trả lại cho anh H. Sau khi nhận lại tài sản, anh H không yêu cầu bồi thường dân sự gì.

Đối với chiếc xe máy Yamaha Sirius, BKS: 19C1 – 234.28, ngày 15/8/2017, Cơ quan điều tra trao trả lại cho anh T. Sau khi nhận lại tài sản, anh T không yêu cầu bồi thường dân sự gì.

Tại Bản cáo trạng số 138/CT - VKS ngày 13/09/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt

tài sản" theo Điểm e Khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Anh T về tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Điều 139 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.

e. Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;"

Điều 250 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào không hứa hẹn trước mà tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".

Kết thúc phần thẩm vấn tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Nguyễn Văn C và bị cáo Trần Anh T theo tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 139; Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 250; điểm b, p Khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 60 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Anh T từ 10 đến 12 tháng từ nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách từ 20 đến 24 tháng.

Về phần dân sự: Buộc bị cáo C trả lại cho anh H 4.000.000đ, ghi nhận sự tự nguyện của anh B không yêu cầu bị cáo C bồi thường 4.400.000đ.

Trả lại cho bị cáo C 01 điện thoại di động OPPO; tịch thu tiêu hủy 01 biển kiểm soát xe máy.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Tại phiên toà bị cáo Nguyễn Văn C và bị cáo Trần Anh T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân

dân huyện Đ. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 05/4/2017 đến ngày 08/06/2017, bị cáo Nguyễn Văn C đã liên tục thực hiện 03 vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Lưu Văn B, anh Nguyễn Trọng H và anh Dương Anh T trên địa bàn huyện Đ, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt = 64.900.000đ; bị cáo Trần Anh T đã tiêu thụ 02 chiếc xe máy do bị cáo Nguyễn Văn C lừa đảo mà có, tổng trị giá = 43.300.000 đ. Sau đó bị cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Đ phát hiện, bắt giữ.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điểm e Khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ do đó cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, cụ thể như sau:

- " Người phạm tội bồi thường, khắc phục hậu quả"; bị cáo C đã tác động gia đình nộp 4.000.000 đồng để trả lại cho anh Nguyễn Công H.

- "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải",.

- Gia đình bị cáo là người có công: Ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị L (là ông bà nội của bị cáo C) được tặng Bằng khen kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Hành vi của bị cáo Trần Anh T cấu thành tội: "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng do đó cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 48 bộ luật Hình sự. Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; đã khắc phục hậu quả bồi thường thiệt hại cho anh Lưu Văn B; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; ông bà nội, ngoại của bị cáo là người có công được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng 3, Bằng khen kháng chiến. Đây là các tình tiết quy định tại Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự - là căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt lẽ ra bị cáo phải chịu và cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội.

Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; bị cáo Trần Anh T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 139; điểm b, p Khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 01/2013/NQ –HĐTP ngày 6/11/2013 của

Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân Tối cao; Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/09/2016 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 24 *(hai mươi bốn)* tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/07/2017.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 250; điểm b, p Khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 60 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết 01/2013/NQ – HĐTP ngày 6/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân Tối cao; Công văn số 276/TANDTC-PC ngày 13/09/2016 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trần Anh T 10 *(mười)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 20 *(hai mươi)* tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Anh T cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh P giám sát giáo dục bị cáo T trong thời gian thử thách.

- Áp dụng Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 76, 99, Điều 231, Điều 234 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

+ Tuyên trả cho bị cáo Nguyễn Văn C 01 Oppo kèm sim *(theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/09/2017 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ và Công an huyện Đ)*; trả cho anh Nguyễn Công H 4.000.000đ *(bốn triệu đồng)* tại biên lai thu tiền số AA/2014/03005 ngày 21/09/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. ghi nhận sự tự nguyện của anh B không yêu cầu bị cáo C bồi thường 4.400.000đ

+ Tịch thu tiêu hủy 01 biển kiểm soát xe máy 29H1-636.89 *(theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/09/2017 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ và Công an huyện Đ)*.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Văn C và bị cáo Trần Anh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo và người bị hại có mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản tống đạt án hợp lệ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- *VKSND H. Đông Anh;*
- *TAND TP. Hà Nội;*
- *T.H.A huyện Đ;*
- *Bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*